

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

XÁC LẬP KHÁI NIỆM CÂU ĐẶC BIỆT TRONG CÚ PHÁP TIẾNG VIỆT TRỊNH QUỲNH ĐÔNG NGHI*

TÓM TẮT: Từ việc khái lược tình hình nghiên cứu về câu đặc biệt trên thế giới và câu đặc biệt tiếng Việt, bài viết này dựa trên các khái niệm và tiêu chí xác lập câu để định vị câu đặc biệt trong cú pháp tiếng Việt. Bài viết đã chỉ ra câu đặc biệt: (1) thoả mãn tiêu chí cấu trúc của một câu, (2) thực hiện trọn vẹn chức năng của một câu trong giao tiếp và (3) có tính đánh dấu hình thức của một câu. Theo đó, câu đặc biệt là một sự lựa chọn có ý trong giao tiếp, hội tụ đủ các đặc điểm của một loại câu độc lập, có đặc trưng chức năng riêng và không nhầm lẫn với bất kì kiểu loại câu nào trong tiếng Việt.

TỪ KHOÁ: câu đặc biệt; cú pháp tiếng Việt; tiêu chí; cấu trúc; chức năng.

NHẬN BÀI: 11/07/2023.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 17/10/2023

1. Đặt vấn đề

Câu đặc biệt là loại câu có sự bất thường vì thế đã thu hút nhiều nhà ngữ pháp quan tâm nghiên cứu. Các tranh luận xoay quanh câu đặc biệt và các loại câu có đặc trưng ngữ pháp tương tự đã được đề cập đến trong nhiều công trình với những cách tiếp cận và lý giải khác nhau. Tuy nhiên, vì tính chất đặc biệt trên nhiều bình diện từ tổng thể đến thành tố, từ cấu trúc đến chức năng cho nên việc tìm một bộ khung ngữ pháp lý giải câu đặc biệt đến nay vẫn là điều mà các nhà nghiên cứu trên quan tâm ở nhiều mức độ và hình thức khác nhau.

Xuất phát từ việc phân tích các công trình nghiên cứu về câu đặc biệt trên thế giới và ở Việt Nam, quy chiếu với lý luận chung về câu, bài viết này đề xuất khái niệm câu đặc biệt với kì vọng xác lập cương vị độc lập của đơn vị cú pháp này trong hệ thống ngữ pháp tiếng Việt, từ đó phân biệt với các đơn vị khác cấp độ hoặc tương đương cấp độ nhưng không được chấp nhận (như hiện tượng tình lược hoặc câu sai ngữ pháp).

2. Tình hình nghiên cứu câu đặc biệt tiếng Việt

2.1. Tình hình nghiên cứu câu đặc biệt tiếng Việt trên thế giới

Các công trình nghiên cứu về câu đặc biệt trên thế giới tựu trung có hai nhóm chính: 1/Phổ biến nhất là các công trình phản ánh phần phân loại về câu đặc biệt (*tạm xác định là*: fragment) trong các tài liệu về ngữ pháp tiếng Anh; trong đó, nhiều sách giảng dạy ngữ pháp tiếng Anh không thừa nhận sự tồn tại của câu đặc biệt, vì đánh giá đây không phải là câu, mà là dạng thức câu sai, cần sửa lỗi; 2/Hướng nghiên cứu câu đặc biệt với tư cách là đối tượng riêng biệt tập hợp các công trình với nhiều cách xử lý dữ liệu cũng như phân tích rất khác nhau. Các tác giả đã sử dụng các thuật ngữ khác nhau để chỉ các đơn vị cú pháp tách biệt này như: chuỗi đơn vị vô nghĩa - ‘nonsentential utterance types or units’ (Fernández & Ginzburg, 2002; Fernández Rovira, 2006; Progovac, Paesani, Casielles & Barton, 2006; Fernández, Ginzburg & Lappin, 2007; Bowie & Popova, 2019), đơn vị không phải là câu hoặc ngữ phụ thuộc - ‘non-sentences’ or ‘subsences’ (Stainton, 2004, 2006; Hall, 2007), câu phụ - ‘minor sentences’ (Kline & Memering, 1977; Sadock & Zwicky, 1985), và cú hoặc câu không hoàn chỉnh ‘clause/sentence fragments’ (Morgan, 1973; Bowie & Aarts, 2016; Bowie & Popova, 2019; Goldberg & Perek, 2019). Tựu trung, các nghiên cứu về câu đặc biệt trên thế giới xoay quanh các vấn đề chính là: (1) Xác nhận sự tồn tại của một kiểu câu không được mô tả theo khung lý thuyết ngữ pháp thông thường; (2) Chưa thống nhất cách lý giải cơ chế, miêu tả cấu trúc cũng như diễn giải chức năng của loại câu này; (3) Trong tiếng Anh, có thể tồn tại các phương thức đánh dấu câu đặc biệt đặc thù.

* Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng; Email: nghitrinh@gmail.com

2.2. Tình hình nghiên cứu câu đặc biệt tiếng Việt ở Việt Nam

Một trong những nghiên cứu sớm nhất về câu tiếng Việt có đề cập đến câu đặc biệt phải kể đến công trình của tác giả Lê Văn Lý (Le parler Vietnamine, Paris, 1948) trong 94 kiểu câu riêng biệt được thống kê, tác giả chỉ ra có những kiểu câu chỉ do một từ hay một ngữ chính - phụ đảm nhiệm [tr.154]. Bước đầu có thể xem đây là công trình đề cập đến câu đặc biệt như một kiểu loại độc lập.

Tiếp theo đó, hầu hết các công trình nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt đều nhắc đến câu đặc biệt từ những cách tiếp cận và tên gọi khác nhau. Có thể khái quát các vấn đề chính về đơn vị này như sau:

- Về cách tiếp cận: các công trình trình bày kết quả nghiên cứu từ những cách tiếp cận: ngữ pháp truyền thống - cấu trúc chủ vị, phân loại dựa vào thành tố chính, trung tâm cú pháp, thành tố cấu tạo; ngữ pháp chức năng ba bình diện, ngữ pháp chức năng hệ thống, cấu trúc đề - thuyết; cấu trúc vị từ - tham tố - nòng cốt IC; dụng học; phân đoạn thực tại... trong đó cấu trúc chủ - vị là hướng tiếp cận chính.

- Về tên gọi: các tác giả đã sử dụng những tên gọi khác nhau để chỉ về đối tượng này: câu đơn giản, câu tự loại, câu thiếu chủ ngữ, ngữ trực thuộc, câu đơn bộ cú, câu phụ thuộc, cú phụ, câu đơn một thành phần, phát ngôn tách biệt, phát ngôn thuyết - đơn phần... trong đó tên gọi câu đặc biệt được sử dụng phổ biến nhất.

- Về việc lí giải thành tố cấu tạo: bao gồm các dạng cấu tạo từ một từ, cụm từ (bao hàm hoặc không đối với cụm từ chủ vị), thành phần câu (theo chủ - vị hoặc đề - thuyết), kết quả của hiện tượng tỉnh lược, ẩn thông tin...

- Về phân loại: Việc phân loại phụ thuộc nhiều vào cách tiếp cận ở (1) và thành tố cấu tạo ở (3) nên theo mỗi tiêu chí sẽ có các kết quả khác nhau đã được chỉ ra như: câu đặc biệt danh từ, vị từ, thán từ; câu đặc biệt thán từ, hô ngữ và ứng ngữ, tiêu đề; câu đặc biệt bộc lộ tình cảm tâm sinh lí trực tiếp, câu tượng thanh, câu giới thiệu cảnh huống, câu hô gọi, câu bộc lộ cảm xúc, đánh giá; câu đặc biệt phân loại theo mức độ diễn hình: câu tượng thanh và cảm thán, câu ta thán về tên gọi, câu hô gọi và giới thiệu cảnh huống, câu cảm xúc - đánh giá, câu đánh giá sự kiện,...

Việc điếm qua các nghiên cứu về câu đặc biệt tiếng Việt giúp chúng tôi có thể nhìn nhận được đối tượng một cách rõ ràng từ đó đưa ra một số nhận định cụ thể ở phần tiếp theo.

3. Cơ sở của việc định vị câu đặc biệt tiếng Việt

3.1. Về khái niệm câu

Câu là đơn vị cơ bản của lời nói, của ngôn từ cũng như văn bản. Chính vì thế, câu hỏi “Câu là gì?” từ lâu đã là vấn đề ngôn ngữ học thế giới quan tâm kiến giải.

Ở Việt Nam, thảo luận về việc nhận diện như thế nào là câu cũng thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu. Theo Hoàng Trọng Phiến từ năm 1980 “Về câu tiếng Việt cũng có khoảng 30 định nghĩa” [tr.21], cho đến nay, con số đó không ngừng tăng thêm. Có thể dẫn ra một vài khái niệm đại diện về đường hướng của các nhà Việt ngữ học như:

“Câu là đơn vị dùng từ hay đúng hơn, dùng ngữ mà cấu tạo nên trong quá trình tư duy, thông báo; nó có nghĩa hoàn chỉnh, có cấu tạo ngữ pháp và có tính chất độc lập” [Dương Xuân Quang, tr.167].

“Câu là ngôn bản (văn bản) nhỏ nhất”. [Cao Xuân Hạo, tr.27]. Đồng thời, tác giả Cao Xuân Hạo đã cũng nhấn mạnh “tính trọn vẹn” (*cái ẩn tượng về sự trọn vẹn*) và “tính độc lập” của câu.

Thông nhất một định nghĩa chuẩn chỉnh về câu trên cả bình diện lí luận lẫn thủ pháp là điều không dễ dàng, tuy nhiên thông qua hàng loạt giới thuyết của giới nghiên cứu, chúng tôi bước đầu nhận diện được những phương diện chính xoay quanh cấp độ đơn vị này nhằm làm bản lề cho việc xác lập câu đặc biệt trong cú pháp học.

3.2. Tiêu chí xác định câu trong tiếng Việt

Trước khi nhận diện câu như một đơn vị độc lập, cần xem xét câu trong mối quan hệ với các cấp độ đơn vị nhỏ hơn nó. Dựa trên các thuộc tính, chức năng của đơn vị ngôn ngữ, xếp theo cấp độ từ nhỏ đến lớn, có thể khái quát trong bảng sau:

Đơn vị \ Thuộc tính	Có giá trị khu biệt	Có nghĩa	Có khả năng hoạt động độc lập	Có giá trị thông báo
Âm vị	+	-	-	-
Hình vị	+	+	-	-

Từ	+	+	+	-
Câu	+	+	+	+

Như vậy, trong mối quan hệ với âm vị - hình vị - từ thuộc hệ thống đơn vị ngôn ngữ nói chung thì câu là đơn vị ngữ pháp lớn nhất, có giá trị khu biệt, có nghĩa, có khả năng hoạt động độc lập và có thể diễn đạt một thông báo trọn vẹn.

Xét trong phạm vi thuộc tính loại hình của tiếng Việt, với vai trò đặc biệt của “tiếng” và các cấp độ trung gian lớn hơn từ trong kết cấu ngữ pháp, chúng tôi cho rằng nên tham khảo thêm bảng tổng hợp của Hoàng Trọng Phiến [tr.26]:

Đơn vị \ Thuộc tính	Âm vị	Hình vị	Tiếng	Từ	Tổ hợp từ	Câu
1. Có khả năng khu biệt nghĩa	+	-	-	-	-	-
2. Có mang nghĩa	-	+	+	+	+	+
3. Có khả năng sử dụng độc lập trong lời nói	-	-	+	+	+	+
4. Có khả năng làm chức năng cú pháp	-	-	+	+	+	+
5. Có thông báo trọn vẹn với tư cách đơn vị nói năng	-	-	-	-	-	+

Từ hai bảng trên, có thể thấy, khả năng thông báo là tiêu chí quan trọng để phân biệt câu với tất cả các đơn vị còn lại trong hệ thống. *Vì thế, sự khác biệt cơ bản giữa câu với từ và tổ hợp từ là tính thông báo trọn vẹn trong hoạt động nói năng chứ không phải là cấp độ đơn vị hay diện mạo hình thái của nó.* Đặc điểm này rất có giá trị đối với việc nhận diện câu đặc biệt tiếng Việt.

Với tư cách là “đơn vị ngôn ngữ nhỏ nhất có khả năng truyền đạt thông điệp nhưng là đơn vị lớn nhất được tạo lập trực tiếp những các thành tố ngữ pháp và các quan hệ ngữ pháp” [Dương Xuân Quang, tr.68], chúng tôi định hình những tiêu chí xác lập câu như sau:

(1) Về phương diện cấu trúc, câu là phạm vi ngữ pháp lớn nhất của những mối quan hệ ngữ pháp chính danh. Nói cách khác, câu là đơn vị được cấu tạo bằng những thành tố ngữ pháp, nhưng nó không thể làm thành tố ngữ pháp cho một đơn vị nào lớn hơn. Đây là tiêu chí được chúng tôi rút ra theo quan điểm của Cao Xuân Hạo, phát triển từ nền tảng của Bloomfield [tr.170] và Lyons [tr.172-176].

Tiêu chí này cho phép nhìn nhận câu là kết quả của một hoạt động tạo lập trong giao tiếp tức là để có câu thì phải trải qua quá trình lựa chọn, xác lập vị trí, liên hệ của các thành tố cấp thấp trong mối quan hệ ràng buộc về ngữ pháp. Hay nói cách khác, câu là một kết cấu ngữ pháp có cấu tạo hoàn chỉnh, có mối liên hệ với tổng thể mà nó tham gia vào, đồng thời không cần (hoặc không thể) thêm các thành tố khác vào kết cấu này.

(2) Về phương diện chức năng, câu được quan niệm thống nhất như là sự phản ánh của một mệnh đề. Tuy nhiên cần phân biệt sự thể hiện một mệnh đề với “biểu hiện một tư tưởng trọn vẹn” vì tư tưởng trọn vẹn là một cách hiểu rất mơ hồ. Trong hoạt động giao tiếp, thông báo do con người phát ra tất yếu phải là kết quả của một quá trình tư duy và vận hành bộ máy phát âm dựa trên sự chỉ đạo tư duy đó. Vậy nên kết quả phản ánh trong câu tất yếu phải là nội dung mà tư duy muốn chuyển tải.

Tương hợp với quan điểm của Halliday (2001), có thể hiểu đó là sự thể hiện kinh nghiệm (as representation), sự trao đổi (as exchange) trong quan hệ liên nhân hay là thông điệp (as mesesage) trong văn bản (Halliday gọi là cú).

(3) Về phương diện dấu hiệu, hoặc diễn đạt theo cách khác là tính đánh dấu hình thức của câu. Nếu các tiêu chí (1) và (2) tạo ra giá trị cho câu thì tiêu chí này có tác dụng hoàn thiện tính trọn vẹn và độc lập của câu, mà diễn đạt theo Hagège là góp phần tạo nên “cái ấn tượng về sự trọn vẹn mà người bản ngữ thể nghiệm” [tr.27]. Sơ khởi của cách hiểu này là quan niệm định vị câu dựa vào các thuộc tính ngữ âm học như ngữ điệu. Không thể phủ nhận vai trò của các khoảng im lặng, khoảng

dừng ở cuối câu, lấy hơi khi bắt đầu một câu mới và những biểu thị tương ứng về hình thức của nó trên bề mặt văn bản. Trong quá trình nói, hay viết, sự phân tách câu có ý nghĩa quan trọng để người nói biểu đạt và người nghe tiếp nhận đúng thông điệp. Trong phân tích diễn ngôn, đường hướng nào cũng chú trọng phân tách các cấp độ thành phần diễn ngôn trong đó có câu. Và hiển nhiên, việc tách câu, trừ một số trường hợp do mắc lỗi, thì còn lại đều do dụng ý của người tạo lập. Các tiêu chí của thức cũng là một sự thể hiện khác về phương diện dấu hiệu này, mà qua đó, có thể định dạng mục đích phát ngôn hay biểu cảm của người nói.

4. Định vị câu đặc biệt tiếng Việt

4.1. Xác lập cương vị cho câu đặc biệt

Dựa vào các tiêu chí xác lập câu ở mục 3.2, chúng tôi có thể đưa ra những nhận định về câu đặc biệt tiếng Việt như sau:

(1) Câu đặc biệt thoả mãn tiêu chí cấu trúc của một câu

Câu là sản phẩm của các liên kết và tạo dựng trong hoạt động nói năng. Câu đặc biệt trong lời nói hay trong văn bản vì thế là sản phẩm của việc mã hoá tín hiệu. Theo ngữ pháp chức năng hệ thống, ngôn ngữ được giải thích như là một mạng lưới của những sự lựa chọn, hoặc sự lựa chọn này hoặc sự lựa chọn khác. Thế nên theo chúng tôi, cấu trúc câu đặc biệt với dạng thức một từ hoặc một cụm từ là sự lựa chọn phù hợp về hình thức của nhân vật giao tiếp trong tình huống cụ thể đó, không thể giải thích hình thức này là một thao tác mắc lỗi hay bất thường.

Ví dụ: - *Chao ôi là buồn!* (Nam Cao, “Cái mặt không chơi được”)

- *Lạ quá!* (Nam Cao, “Sống mòn”)

Cấu trúc câu đặc biệt là sản phẩm hoàn chỉnh và khép kín, không cần và cũng không thể bổ sung thêm các thành phần ngữ pháp để trở thành một dạng cấu trúc đầy đủ hơn. Dạng thức biểu đạt trong diễn ngôn cũng là dạng thức duy nhất, không có dạng thức tiền đề nào hay hoạt động tác động nào (như tình lược và phức hồi, tách thành phần câu và ghép trở lại) để biến đổi dạng thức đó. Câu đặc biệt là sự biểu đạt tối giản, tức ngắn gọn nhất khi diễn đạt nhưng vẫn bao hàm các quan hệ ngữ pháp chính danh và có mô hình riêng của mình. Câu đặc biệt cũng không thể làm thành tổ ngữ pháp cho một đơn vị nào lớn hơn. Trong tổng thể văn bản mà nó tham gia vào, câu đặc biệt đảm bảo tính liên kết và giá trị bộ phận như bất kì câu ở dạng cấu trúc nào.

(2) Câu đặc biệt thực hiện trọn vẹn chức năng của một câu trong giao tiếp

Câu đặc biệt cũng như các loại câu khác là điểm hội tụ của ba kiểu ý nghĩa giải thích cho cảnh huống: chức năng biểu đạt tư tưởng, chức năng liên nhân và chức năng kết cấu ngôn bản. Việc thể hiện trọn vẹn chức năng của một câu không bị hạn chế bởi hình thức cấu trúc có hay không sự tồn tại của đề - thuyết hay chủ - vị. Hay diễn đạt theo Phan Mậu Cảnh, câu đặc biệt là “...câu trúc cú pháp trùng với cấu trúc thông tin. Lượng thông tin quan trọng và cần thiết được thể hiện trong một cấu trúc tình giản tối đa” [tr.17].

Ví dụ: - *Xe!* (Nguyễn Công Hoan, “Người ngựa và ngựa người”)

- *Nhất định rồi!* (Võ Thị Xuân Hà, “Bán hàng trên mạng”)

Trong trường hợp “*Xe!*”, câu đặc biệt do một từ “*xe*” cấu thành giúp nhân vật giao tiếp gọi một chiếc xe kéo để di chuyển, thông tin diễn đạt gọn ghẽ, đầy đủ, lực ngôn trung đảm bảo.

Câu “*Nhất định rồi!*” là một khẳng định chắc chắn của người phát ngôn, quan điểm rõ ràng, tình thái bộc lộ sáng rõ.

Thực tế cho thấy, câu đặc biệt thoả mãn nhu cầu giao tiếp và truyền đạt thông tin, tùy tình huống mà truyền đạt phán đoán hay biểu cảm, xác lập quan hệ, định vị không thời gian hay các loại giá trị khác.

(3) Câu đặc biệt là thành tố cú pháp độc lập được đánh dấu và có thể nhận diện như bất kì loại câu nào

Xét về thuộc tính ngữ âm học, câu đặc biệt khi nói được đánh dấu bởi sự lấy hơi và quãng im lặng khi đi kèm một câu khác. Trong những trường hợp cần phân định mục đích phát ngôn hay chỉ báo lực ngôn trung, câu đặc biệt được đánh dấu bằng ngữ điệu.

Xét về hình thức chính tả, câu đặc biệt được mở đầu bằng hình thức viết hoa và kết thúc bằng dấu chấm câu phù hợp như sau:

- Ví dụ:
- *Chứ lại gì!* (Vũ Trọng Phụng, “Số đỏ”)
 - *Buồn?* (Thạch Lam, “Ngày mới”)
 - *Bẽ bàng. Lỡ làng.* (Nguyễn Ngọc Tư, “Khói trời lộng lẫy”)

Câu đặc biệt cũng như các loại câu khác đều hội đủ các đặc điểm hình thức của một câu, được phân tách rõ ràng ra khỏi các câu khác. Sự đánh dấu dành cho câu đặc biệt đòi hỏi bất kì ai khi phân tích diễn ngôn cũng phải tính đếm đó là một đơn vị độc lập. Thực chất, tính đánh dấu hay tiêu chí hình thức này là yếu tố đầu tiên thu hút sự quan tâm của các nhà ngôn ngữ học đối với câu đặc biệt nhưng chúng tôi xếp sau cùng vì không muốn miễn cưỡng xem câu đặc biệt như một loại câu văn bản đơn thuần.

Từ việc đối chiếu đặc điểm của câu đặc biệt với tiêu chí xác lập câu, chúng tôi xác định câu đặc biệt có cương vị là một câu, hay nói cách khác là một đơn vị cú pháp độc lập.

4.2. Phân định câu đặc biệt với những hình thức tương tự

4.2.1. Câu đặc biệt không phải là kết quả của hiện tượng tỉnh lược

Câu tỉnh lược hay câu rút gọn là cách gọi tên các biến thể của câu đầy đủ thành phần. Trong giao tiếp, vì những lí do nhất định, một số thành phần câu bị ẩn đi tạo ra những dạng cấu trúc chỉ còn một thành phần hiển thị trên bề mặt cấu trúc. Phần hiển thị này là phần báo, mang thông tin mới hoặc thông tin quan trọng, tức chỉ có phần biểu đạt phần đoán cần thiết hiện hữu. Cũng vì lí do nói trên mà câu tỉnh lược hay câu rút gọn luôn tồn tại trong mối quan hệ với ngữ cảnh, không thể tách rời các thành phần bị lược đi dù nó không hiển thị trong giao tiếp. Có thể xét trong ví dụ sau:

Sp1: *Chiều nay An có học không?*

Sp2: *Có.*

Sp1: *Học ở cơ sở nào?*

Sp2: *Lê Duẩn.*

Sp1: *Vậy tại mình đi chung xe nhé.*

Vì luôn tồn tại trong mối quan hệ với các thành tố ngữ pháp bị ẩn nên chúng ta cũng dễ dàng phục hồi lại các thành phần bị rút gọn. Câu trả lời của Sp2 “*Có*” có thể diễn đạt đầy đủ là “*Chiều nay mình có học*”. Tương tự như vậy, khi được phục hồi đầy đủ, câu hỏi của Sp1 là “*Bạn học ở cơ sở nào?*” và câu đáp của Sp2 là “*Mình học ở Lê Duẩn.*”.

Tỉnh lược vì thế không phải là cách thức tạo ra câu đặc biệt. Câu tỉnh lược hay câu rút gọn là một cách gọi hình thức tồn tại trên văn bản của một loại câu khác hay nói chính xác hơn đó là biến thể của câu thông thường.

4.2.2. Câu đặc biệt là đối tượng nghiên cứu khác với câu tồn tại

Không ít nhà nghiên cứu như Nguyễn Kim Thân (1963), Lê Xuân Thai (1969), Hồ Lê (1992), Hữu Quỳnh (1995)... cho rằng câu tồn tại thuộc câu đặc biệt hay câu đơn phần. Diệp Quang Ban xác định: “Câu mang ý nghĩa tồn tại có khả năng xuất hiện trong tất cả các khuôn hình có thể có ở các kiểu câu đơn tiếng Việt” [tr.36]. Câu tồn tại hay câu mang ý nghĩa tồn tại thực chất là sự tiếp cận câu trên bình diện nghĩa “được xây dựng trên cơ sở hai cách hiểu với hai mức độ khái quát về nội dung ý nghĩa tồn tại” [tr.48]. Điều này đồng nghĩa với việc có những câu đặc biệt mang ý nghĩa tồn tại, và cũng có những câu mang ý nghĩa tồn tại có cấu trúc thuộc các mô hình câu khác.

Với quan điểm cho câu đặc biệt “là kiểu câu không thể phân tích theo cấu trúc cú pháp cơ bản như những câu bình thường khác” [Nguyễn Văn Hiệp, 2009, tr.270] còn “câu tồn tại cũng cần được phân tích như các câu SVO khác trong tiếng Việt” [Nguyễn Văn Hiệp, 2008, tr.331], tác giả Nguyễn Văn Hiệp đã vạch ra ranh giới rõ ràng để phân định câu đặc biệt và câu tồn tại.

4.2.3. Câu đặc biệt không phải là câu dưới bậc hay ngữ trực thuộc

Câu dưới bậc, câu tách biệt hay ngữ trực thuộc (tạm gọi chung là câu dưới bậc) là những hình thức tồn tại trên văn bản với dấu hiệu hình thức của một câu. Nói như vậy đồng nghĩa với việc, ngoài sự phân định bằng các thủ pháp hình thức thì câu dưới bậc đều chưa thoả mãn dấu hiệu hình thức hay biểu đạt chức năng nghĩa của một câu. Câu dưới bậc luôn luôn tồn tại trong mối quan hệ cộng sinh

với một hoặc một vài câu đi trước hoặc đi sau nó. Đây là kết quả của thao tác phân tách thành phần câu nhằm những mục đích như nhấn mạnh nghĩa hoặc định vị không thời gian cho một ngữ huống cụ thể. Có thể nhận thấy chức năng đó trong các ví dụ sau:

“Sáng hôm sau. Hắn thức dậy trên cái giường nhà hắn. Hắn thấy mình mảy đau như dằm, đầu nặng, miệng khô và đắng. Cổ thì ráo và rát cháy. Hắn đưa tay với ấm nước ở trên bàn để uống. Ấm nước đầy và nước hầy còn ấm. Đó là sự ý tứ của Tì. Hộ hiểu thế, và lòng buồn nao nao. Bối hắn ...” (Nam Cao, “Đời thừa”)

“Lam gặt. Và nhìn.” (Nguyễn Thị Thu Huệ, “Lãng quên phiên muộn”)

“Sáng hôm sau” thực chất là trạng ngữ chỉ thời gian định vị cho hàng loạt mô tả được nêu ra trong các câu tiếp theo nó. *“Và nhìn”* là hoạt động được bổ sung cho *“gặt”* nêu ra trong câu đi trước.

Trong khi đó, câu đặc biệt không thực hiện chức năng làm thành tổ ngữ pháp cho đơn vị lớn hơn nó, và cũng không bị lệ thuộc ngữ cảnh như nhóm đơn vị này.

4.2.4. Câu đặc biệt không phải là kết quả của thao tác đảo thành phần câu

Không ít trường hợp, vì mục đích nhấn mạnh hay biểu cảm mà các thành phần câu được hoán đổi vị trí tạo ra những câu có vị ngữ hay phần thuyết đứng trước chủ ngữ hay phần đề của nó. Điều này gây nhầm lẫn câu ít nhất hai thành phần sang dạng kết cấu cụm từ của câu đặc biệt. Có thể minh họa cho thao tác này bằng các ví dụ sau:

“Rất đẹp hình anh lúc nắng chiều” (Tố Hữu, “Lên Tây Bắc”)

“Trong xanh ánh mắt / Trong vắt nhãn lồng” (Trần Kim Dũng, “Hương nhãn”, Dẫn theo SGK Tiếng Việt 3, tập 1, Nxb Giáo dục, 1997)

Hiện tượng đảo vị trí của các thành phần câu không làm mất đi quan hệ cú pháp vốn có của câu, sự thay đổi này chỉ mang dụng ý nghệ thuật, làm tăng tính gợi hình và truyền cảm cho diễn đạt. Vậy nên, những câu có hiện tượng này vẫn có thể xác lập các thành phần câu theo cấu trúc chủ - vị hoặc đề - thuyết. Điều đó cũng chỉ ra sự khác biệt rõ rệt giữa hiện tượng đảo vị trí trong câu với dạng thức câu đặc biệt.

4.3. Đề xuất khái niệm câu đặc biệt

Một trong những mục đích của bài viết này là đề xuất khái niệm câu đặc biệt tiếng Việt.

Sự tồn tại của câu đặc biệt là hiển nhiên, là kết quả của sự lựa chọn cần thiết cái biểu đạt để giao tiếp của chủ thể. Bản chất của tín hiệu ngôn ngữ là sự quy ước, quy ước hình thành bởi tập quán ngôn ngữ của xã hội. Theo đó, hình thái câu đặc biệt có thể xuất hiện với tần suất thấp hơn, nhưng đều đặn và liên tục nên cũng cần sự thừa nhận trong khung cú pháp của bất kì ngôn ngữ nào. Thế nên, việc tìm câu trả lời cho “câu đặc biệt là gì?” theo chúng tôi nghĩa là trả lời cho phần “là gì” trong câu hỏi về chủ thể câu đặc biệt, chứ không phải “câu đặc biệt không phải là...” hoặc “không thể...” như cách mà nhiều nhà ngôn ngữ học đã thực hiện - định nghĩa câu đặc biệt bằng cách chỉ ra sự bất thường, sự khác biệt hoặc thậm chí là sự vi phạm so với quy chuẩn về câu theo mô hình cú pháp thông thường. Khi khái niệm được xác lập, đồng nghĩa với việc đối tượng trở nên tường minh khi quy chiếu, trở thành một đơn vị cú pháp độc lập trong ngôn ngữ.

Từ khái niệm câu và các tiêu chí nhận diện câu, đặt trong mối quan hệ với các hình thức tương tự, chúng tôi đề xuất khái niệm: *Câu đặc biệt là sự biểu đạt thông báo bằng hình thức tối thiểu trong giao tiếp.* Với định nghĩa này, chúng tôi cho rằng có thể nhấn mạnh được sự hoàn chỉnh về ngữ nghĩa và ngữ pháp của loại câu riêng biệt này. Điều này khẳng định được vị thế độc lập cũng như tính cần thiết của câu đặc biệt đối với người dùng trong hoàn cảnh giao tiếp cụ thể.

5. Kết luận

Có thể khẳng định rằng, câu đặc biệt là đối tượng được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm, tuy nhiên lại chưa có sự thống nhất trên nhiều bình diện, từ tư cách tồn tại, mô hình cấu trúc, chức năng... dẫn đến khá nhiều vướng mắc trong nghiên cứu và sử dụng. Tiếp thu thành tựu của các công trình đi trước, lĩnh hội các đường hướng nghiên cứu hiện đại, chúng tôi đề xuất việc xác lập cương vị cho câu đặc biệt tiếng Việt và phân định ranh giới câu đặc biệt với các dạng thức tương tự. Cách hiểu: *“Câu đặc biệt là sự biểu đạt thông báo bằng hình thức tối thiểu trong giao tiếp”* theo chúng tôi là một đề xuất quan trọng để định vị câu đặc biệt trong phân loại cú pháp tiếng Việt. Khái niệm này là cơ sở để

nhận định câu đặc biệt là một đối tượng nghiên cứu độc lập với những đặc trưng cú pháp và chức năng riêng, tránh nhầm lẫn với các phân loại câu khác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Diệp Quang Ban (1998), *Một số vấn đề về câu tồn tại trong tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Phan Mậu Cảnh (1996), *Các phát ngôn đơn phần tiếng Việt*, Luận án Phó Tiến sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Mak Halliday (2001), *Dẫn luận ngữ pháp chức năng*, bản dịch của Hoàng Văn Vân, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
4. Cao Xuân Hạo (2004), *Tiếng Việt sơ thảo Ngữ pháp chức năng*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Nguyễn Văn Hiệp (2008), *Cơ sở ngữ nghĩa phân tích cú pháp*, Nxb Giáo dục, H.
6. Nguyễn Văn Hiệp (2009), *Cú pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục Việt Nam, H.
7. Hoàng Trọng Phiến (2008), *Ngữ pháp tiếng Việt - Câu*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
8. Dương Xuân Quang (2021), *Biến thể cú pháp của câu tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
9. UBKHXXH (1983), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

Tiếng nước ngoài

10. L. Bloomfield (1933), *Language*, New York: Holt, Rinehart & Winston.
11. BICLCE 2017 - 7th Biennial Conference on the Linguistics of Contemporary English (2017), *Book Of Abstracts*, University of Vigo, <https://biclce2017.wordpress.com/biclce2017@uvigo.es>.
12. BICLCE 2022 - The 9th Biennial International Conference on the Linguistics of Contemporary English (BICLCE) University of Ljubljana, 15th-17th September 2022, *Book of Abstracts*, Ljubljana University Press (Založba Univerze v Ljubljani).
13. Lyons, J. (1977), *Semantics volume 2*, Cambridge University Press.
14. Claude Hagège (1982), *La structure des langues Que sais-je*, Presses Universitaires de France.
15. Lê Văn Lý (1960), *Le Parler Vietnamien*, Nxb Bộ Giáo dục 1960.

Establish the concept of fragment in Vietnamese syntax

Abstract: From an overview of the research situation on fragment in the world and fragment in Vietnamese language, this article is based on concepts and criteria for establishing fragment in Vietnamese syntax. The article has pointed out that a fragment (1) satisfies the structural criteria of a sentence, (2) fully performs the function of a sentence in communication, and (3) has the function of marking the form of a sentence. Accordingly, a fragment is an intentional choice in communication, converging all the characteristics of an independent sentence type, having its functional features, and not being confused with any sentence in Vietnamese.

Key words: fragment; Vietnamese syntax; criteria; structure; function.